

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MANG THÍT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Hồng Mến
2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Bà Dương Thị Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2022/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022, về việc: “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều C, sinh 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Lê Thị Kiều C trình bày: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều C với bị đơn ông Nguyễn Thanh V cưới nhau trên cơ sở tìm hiểu quen biết, được gia đình chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, Quyền số 01/2004, ngày 16 tháng 12 năm 2004. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau,

thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau, gia đình động viên hòa giải nhưng không thể khắc phục được, nên ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 hiện đang chung sống với ông V.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ vợ hôn nhân: Bà C xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29 tháng 7 năm 2022 thì bị đơn ông Nguyễn Thanh V ý kiến: Ông V với bà C cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khi dịch bệnh Covid - 19 bùng phát và thực hiện Chỉ thị 16, thì bà C ở nhà mẹ ruột tại ấp Phú Ân, xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, ông V thì sinh sống tại ấp Bình Hòa 2, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, nên từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, nên ly thân cho đến nay.

Nay ông V không đồng ý ly hôn với bà C, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông V không yêu cầu giải quyết về con chung cũng như về tài sản, nợ phải thu, phải trả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về trình tự thủ tục giải quyết vụ án, việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng là đúng quy định; nêu nội dung vụ án, nhận định và đánh giá chứng cứ. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56.....của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C. Xử cho bà C được ly hôn với ông V; tài sản và nợ phải thu, phải trả không có yêu cầu, nên miễn xét; con chung là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 hiện đang chung sống với ông V, đã thành niên, sức khỏe bình thường và có khả năng lao động để tự nuôi mình, không có yêu cầu, nên miễn xét, bà C nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà C khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Mang Thít. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông V vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 2, mặc dù đã tổng đạt giao văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông V tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà C có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C, ông V cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, Quyền số 01/2004, ngày 16 tháng 12 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp, được công nhận là vợ chồng.

Xét, bà C cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong sinh hoạt công việc chung thì tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Gia đình cha, mẹ nhắc nhở, hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được, nên ly thân cho đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2022 thì ông V không đồng ý ly hôn với bà C, nhưng ông V không có kế hoạch khắc phục, hàn gắn, không tham gia hòa giải để trao đổi khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, không tham gia xét xử. Đồng thời ông V thừa nhận tình cảm vợ chồng có rạn nứt. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà C với ông V là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, con của bà C, ông V là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2004 đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều C;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Lê Thị Kiều C được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh V.

2. Về con chung: Con của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều C với bị đơn ông Nguyễn Thanh V đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều C nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, lai số: N^o 0007193, ngày 13 tháng 6 năm 2022, nên không phải nộp thêm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc